

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-NUỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN-TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Lô 22, Khu Công nghiệp Trà Nóc 1, P. Thới An Đông, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 02923.842.538 Website: www.biasaigontaydo.com.vn

BIA
SAIGON®
TAYDO

TÀI LIỆU **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG** **THƯỜNG NIÊN** **NĂM 2026**

THÁNG 4 - 2026

TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

STT	NỘI DUNG
1	Chương trình Đại hội
2	Quy chế làm việc tại Đại hội
3	Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2026 – 2031
4	Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026
5	Báo cáo của BKS về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026
6	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025
7	Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2025
8	Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT và BKS năm 2025
9	Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026
10	Tờ trình kế hoạch thù lao HĐQT và BKS năm 2026
11	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026
12	Tờ trình phê chuẩn các giao dịch với Người có liên quan năm 2026 (kèm các hợp đồng mẫu ký kết với SABECO, SATRACO)
13	Tờ trình cập nhật ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty
14	Tờ trình miễn nhiệm và bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 – 2031
15	Mẫu phiếu biểu quyết
16	Mẫu phiếu bầu cử Ban kiểm soát
17	Thẻ biểu quyết
18	Giấy đăng ký dự họp hoặc ủy quyền
19	Sơ yếu lý lịch ứng viên Ban kiểm soát
20	Giấy đề nghị đề cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031
21	Biên bản họp nhóm đề cử ứng viên tham gia Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031
22	Giấy đề nghị tự đề cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031
23	Dự thảo biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026
24	Dự thảo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

(Dự kiến bắt đầu lúc 9:00 phút, ngày 21 tháng 04 năm 2026)

Thời gian	Nội dung
9:00 - 9:30	❖ Đón khách và kiểm tra tư cách cổ đông: <ul style="list-style-type: none">• Đón tiếp đại biểu và cổ đông;• Đại biểu và cổ đông thực hiện thủ tục đăng ký tham dự.
9:30 - 9:50	❖ Khai mạc Đại hội: <ul style="list-style-type: none">• Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội;• FPTS giới thiệu hướng dẫn cách bỏ phiếu điện tử;• Tuyên bố lý do, giới thiệu và bầu đoàn Chủ tọa;• Chủ tọa giới thiệu Ban thư ký Đại hội;• Chủ tọa giới thiệu và bầu Ban kiểm phiếu;• Thông qua chương trình Đại hội;• Thông qua Quy chế làm việc;• Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031.
9:50 - 10:10	❖ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trình bày các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none">• Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026;• Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026;
10:10 - 10:30	❖ Các tờ trình Đại hội: <ol style="list-style-type: none">1. Tờ trình thông qua báo cáo tài chính kiểm toán 2025;2. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2025;3. Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;4. Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026;5. Tờ trình kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2026 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;6. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026;7. Tờ trình phê chuẩn các giao dịch của Công ty với Người có liên quan;8. Tờ trình cập nhật và bổ sung ngành nghề kinh doanh và cập nhật, sửa đổi Điều lệ Công ty;9. Tờ trình miễn nhiệm và bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 – 2031; Danh sách ứng cử viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 – 2031.
10:30 - 10:45	<ul style="list-style-type: none">• Đại hội thảo luận và tiến hành biểu quyết, bầu cử
10:45 - 11:00	<ul style="list-style-type: none">• Nghỉ giải lao;• Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu.
11:00 - 11:15	<ul style="list-style-type: none">• Ban Thư ký đọc dự thảo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ;• Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ.
11:15 - 11:30	<ul style="list-style-type: none">• Tuyên bố bế mạc Đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
BIA - NƯỚC GIẢI KHÁT
SÀI GÒN - TÂY ĐÔ
P. THỚI AN ĐÔNG, TP. CẦN THƠ
Phan Thanh Hải

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - TÂY ĐÔ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô,

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô năm 2026 được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

Điều 1. Mục đích

Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.

Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông

- Bỏ phiếu điện tử : Là việc Đại biểu sử dụng các thiết bị có kết nối Internet và thực hiện việc biểu quyết/bầu cử thông qua hệ thống Bỏ phiếu điện tử do Công ty quy định và thông báo cho đại biểu tại thời điểm đại biểu đăng ký tham dự Đại hội.

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 5. Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 24/03/2026 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
- Đại biểu đến tham dự Đại hội cần xuất trình bản gốc CCCD/ Thẻ căn cước/Hộ chiếu/ Định danh điện tử mức độ 2 trên ứng dụng VNeID (đối với cá nhân), Bản sao GCNĐKDN/GPHĐ (đối với tổ chức), bản gốc Giấy ủy quyền (nếu thuộc trường hợp nhận ủy quyền tham dự Đại hội) và tài liệu khác như được yêu cầu tại Thông báo mời họp trước khi tham dự họp.
- Đại biểu khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với BTC; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do BTC quy định.
- Trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông, các Đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội.
- Các Đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Chủ tọa cho phép.

Điều 6. Khách mời tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông/ không được nhận ủy quyền của cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 7. Chủ tọa

- Chủ tọa Đại hội là chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập. Chủ tọa Đại hội điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà HĐQT đã dự kiến thông qua trước Đại hội.
- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.
- Nhiệm vụ của Chủ tọa:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Chủ tọa:

Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

5419
NG T
PH
C GI
N-T
ÔNG

Điều 8. Ban thư ký Đại hội

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm một hoặc một số người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Chủ tọa, ĐHQĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Chủ tọa.
2. Nhiệm vụ của Ban thư ký:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
 - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;
 - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

Điều 9. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:
 - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp;
 - Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tiến hành.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết;
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết;
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho Thư ký;
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội;
- Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa;
- Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa nhất trí mới được phát biểu, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng văn bản.

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
- Đại biểu thực hiện đăng ký tham dự tại địa điểm họp được ghi trong Thông báo mời họp đã gửi đến tất cả các cổ đông có tên trong danh sách chốt cổ đông ngày 24/03/2026. Sau khi thực hiện đăng ký tham dự với ban tổ chức đại hội, đại biểu được cấp tài khoản và mật khẩu để tiến hành đăng nhập, thực hiện biểu quyết tất cả các nội dung được đưa ra biểu quyết tại Đại hội theo hình thức bỏ phiếu điện tử tại đường link: www.ezgs.m.fpts.com.vn.
- Nếu đại biểu gặp khó khăn trong quá trình đăng nhập và biểu quyết/ bầu cử, BTC đại hội sẽ cung cấp, hỗ trợ về mặt kỹ thuật và hướng dẫn đại biểu thực hiện. Đại biểu kiểm tra kỹ thông tin và chịu trách nhiệm đối với ý kiến biểu quyết của mình.

2. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:
 - Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết vấn đề đó.

- Trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết vấn đề phát sinh đó.
 - Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết); bao gồm cả kết quả biểu quyết bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.
 - Thời gian bỏ phiếu điện tử cho các vấn đề cần được biểu quyết tại Đại hội (gồm: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế bầu cử; thông qua nhân sự Đại hội; các Báo cáo, Tờ trình; Biên bản và Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác nếu có): Đại biểu thực hiện biểu quyết từ lúc hoàn tất thủ tục đăng ký dự họp đến trước khi BTC thông báo kết thúc thời gian bỏ phiếu điện tử cho các nội dung biểu quyết. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.
3. Thẻ lệ biểu quyết:
- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp thông báo thông tin đăng nhập để thực hiện biểu quyết.
 - Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 24/03/2026) tổng số cổ phần của Công ty là: 20.000.000 cổ phần tương đương với 20.000.000 quyền biểu quyết.
 - Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1, Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý của số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

Lưu ý:

- Cổ Đông/ đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14).
- Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản Công ty ghi

trong báo cáo tài chính gần nhất với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14).

4. Ghi nhận kết quả biểu quyết:

- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội.
- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Bầu cử Ban kiểm soát

Việc bầu cử thành viên Ban kiểm soát phải được thực hiện theo Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031 và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội.

Điều 14. Biên bản, Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 15. Thi hành Quy chế

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phan Thanh Hải



**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2026 – 2031
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô;
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô,

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 – 2031 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt:

- Công ty : Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

II. Chủ tọa tại đại hội:

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào BKS;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

III. Quy chế đề cử, ứng cử Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031:



Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 – 2031

- Số lượng thành viên BKS cần bầu: 03 người
- Nhiệm kỳ: 2026 - 2031
- Số lượng ứng cử viên BKS tối đa: không hạn chế

1. Quyền đề cử, ứng cử BKS: (theo Điều 37 Điều lệ công ty)

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.

2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát: Ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Nghị định 155/2020/NĐ-CP)

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không được là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng của Công ty và Công ty mẹ, của người đại diện phần vốn tại Công ty và Công ty mẹ;
- Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

IV. Nguyên tắc bầu cử:

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công ty quy định tại Quy chế làm việc tại ĐHCĐ.
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Ban kiểm soát.

V. Phương thức bầu cử:

- Danh sách ứng cử viên bầu bổ sung Thành viên HĐQT được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.
- Phương thức bầu cử: (Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020)
 - Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu.
 - Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 - Đại biểu tham dự truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và tiến hành việc bầu cử của mình (lưu ý Đại biểu thực hiện bỏ phiếu trong thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc).
 - Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn: Đại biểu tham dự truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện lại việc bầu cử của mình (lưu ý Đại biểu thực hiện bỏ phiếu trong thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc).
 - Phiếu bầu cử được Công ty cung cấp cho Đại biểu thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.
 - Cách bầu cử:
 - ✓ Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số thành viên cần bầu;
 - ✓ Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô **“Bầu dồn đều phiếu”** của các ứng viên tương ứng.
 - ✓ Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô **“Số phiếu bầu”** của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô **“Bầu dồn đều phiếu”** vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô **“Số phiếu bầu”**.

Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:



Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 – 2031

- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng thành viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của các đại biểu lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Trong trường hợp có sự sai sót, cổ động có thể thay đổi kết quả bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả bầu cử); bao gồm cả kết quả bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, hệ thống sẽ ghi nhận kết thúc kiểm phiếu.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với chủ toạ đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

VI. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên:

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

VII. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2026 - 2031:

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2026 – 2031 bao gồm:

- Giấy đề nghị đề cử, ứng cử/Giấy giới thiệu, quyết định cử nhân sự vào BKS bao gồm các nội dung cơ bản sau: thông tin cá nhân người đại diện phần vốn (họ và tên, ngày sinh, số CMND/CCCD, ngày cấp, trình độ, chuyên ngành), số cổ phần đại diện, nêu rõ người đại diện tham gia HĐQT/BKS. Cổ đông/nhóm cổ đông có thể tham khảo giấy đề nghị đề cử, ứng cử theo mẫu đính kèm tại quy chế này;
- Biên bản họp nhóm đề cử, ứng cử thành viên BKS bao gồm các nội dung cơ bản sau: danh sách nhóm cổ đông đề cử (tên cổ đông, CMND/CCCD, địa chỉ, số cổ phần sở hữu, chữ ký xác nhận), tổng số cổ phần nhóm cổ đông đề cử, thông tin người được đề cử (Họ và tên, CMND/CCCD, ngày cấp, nơi cấp, địa chỉ, trình độ chuyên ngành, số cổ phần đại diện). Cổ đông/nhóm cổ đông có thể tham khảo Biên bản họp nhóm đề cử, ứng cử theo mẫu đính kèm tại quy chế này;
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu).
- Bản sao các giấy tờ sau: CCCD/Hộ chiếu.
- Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 – 2031

Người đề cử thành viên vào BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Hồ sơ xin gửi về Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô trước **15 giờ ngày 14/4/2026** theo địa chỉ sau:

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô

Địa chỉ: Lô 22, Khu Công nghiệp Trà Nóc 1, P. Thới An Đông, TP. Cần Thơ

Trên đây là toàn bộ Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 – 2031 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



PHAN THANH HẢI



Tp. Cần Thơ, ngày 21 tháng 4 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô (“Công ty”) trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026, với các nội dung chính như sau:

I. Kết quả hoạt động trong năm 2025

1. Tình hình chung:

Năm 2025, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng từ sự suy giảm của thị trường bia và kế hoạch đặt hàng của SABECO, dẫn đến sản lượng và hiệu quả kinh doanh giảm so với kế hoạch.

Sản lượng gia công Bia Sài Gòn giảm làm tăng chi phí cố định trên mỗi đơn vị sản phẩm và ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Lợi nhuận của Công ty ở mức thấp và chủ yếu đến từ hoạt động tài chính.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025
Doanh thu thuần	Triệu đồng	326.341	390.866	257.162
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.579	11.592	2.720

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 chưa đạt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao, chủ yếu do sản lượng tiêu thụ thấp và sự biến động của thị trường. Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì hoạt động ổn định, đảm bảo thanh khoản và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, người lao động và đối tác.

3. Hoạt động của HĐQT trong năm 2025

3.1. Tổ chức các cuộc họp và ban hành Nghị quyết

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) đã tổ chức 04 phiên họp trực tiếp và 04 lần lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 22 Nghị quyết nhằm triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh gồm:

- Định hướng Kế hoạch sản xuất kinh Doanh
- Quản trị tài chính và nguồn vốn
- Đầu tư, tổ chức nhân sự



- Các giao dịch quan trọng và định hướng phát triển sản phẩm mới.

Stt	Nghị quyết số	Ngày	Nội dung
1	01/2025/NQ-HĐQT	14/2/2025	Thông qua các Tờ trình số 05;06;07;08/2025/TTr-TDBECO ngày 17/1/2025
2	02/2025/NQ-HĐQT	04/3/2025	Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2025
3	03/2025/NQ-HĐQT	04/3/2025	Miễn nhiệm và bổ nhiệm Người PTQT Công ty
4	04/2025/NQ-HĐQT	04/3/2025	Thông qua kết quả SXKD Quý 4/2024 và các tờ trình số 09;11/2025/TTr-TDBECO ngày 25/2/2025
5	05/2025/NQ-HĐQT	04/3/2025	Ký kết hợp đồng, giao dịch, các thủ tục mở tài khoản đăng ký dịch vụ, đăng ký thay đổi và các dịch vụ khác liên quan đến tài khoản tại ngân hàng
6	06/2025/NQ-HĐQT	04/3/2025	Vay vốn ngắn hạn không vượt quá 50 tỷ đồng tại ngân hàng Agribank – CN Trung tâm Sài Gòn
7	07/2025/NQ-HĐQT	04/3/2025	Vay vốn ngắn hạn, hạn mức vay 80 tỷ đồng tại ngân hàng Shinhan Việt Nam
8	08/2025/NQ-HĐQT	04/3/2025	Vay vốn ngắn hạn, hạn mức vay 100 tỷ đồng tại ngân hàng Vietcombank – CN Cần Thơ
9	09/2025/NQ-HĐQT	15/4/2025	Thông qua tờ trình số 12/2025/TTr-TDBECO ngày 05/4/2025 việc điều chỉnh dự thảo tờ trình phân phối lợi nhuận 2024 và tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận 2025
10	10/2025/NQ-HĐQT	19/5/2025	Miễn nhiệm Tổng Giám đốc.
11	11/2025/NQ-HĐQT	19/5/2025	Miễn nhiệm P.Tổng Giám đốc, bổ nhiệm Tổng Giám đốc.
12	12/2025/NQ-HĐQT	19/5/2025	Thay đổi người đại diện pháp luật TDBECO.
13	13/2025/NQ-HĐQT	22/5/2025	Lựa chọn nhà thầu và đề xuất ký kết hợp đồng thi công “Thay tấm lợp, tấm cách nhiệt, máng xối nhà xưởng chính diện tích 6.980 m ² ”.
14	14/2025/NQ-HĐQT	22/5/2025	Lựa chọn nhà thầu và đề xuất ký kết hợp đồng thanh lý tôn cũ và các vật tư đi kèm.

Stt	Nghị quyết số	Ngày	Nội dung
15	15/2025/NQ-HĐQT	30/6/2025	Thông qua kết quả SXKD Quý 1/2025, ước thực hiện Quý 2/2025 và 6 tháng cuối năm 2025; Tờ trình số 21/2025/TTr-TDBECO ngày 30/6/2025 về việc triển khai sản xuất và hợp tác kinh doanh Bia tươi Tây Đô
16	16/2025/NQ-HĐQT	23/9/2025	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 2/2025, ước thực hiện Quý 3/2025 và Quý 4/2025
17	17/2025/NQ-HĐQT	23/9/2025	Thông qua Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô, thay thế Sơ đồ tổ chức số 01/2022/TDBECO.
18	18/2025/NQ-HĐQT	23/9/2025	Thông qua Hệ thống cấp bậc và cơ cấu lương theo Sơ đồ tổ chức mới của Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô, thay thế hệ thống bảng cũ ban hành theo Quyết định 09 ^o /2022/QĐ-HĐQT ngày 01/4/2022.
19	19/2025/NQ-HĐQT	23/9/2025	Thông qua phương án chi lương năm 2025, trong đó 8 tháng đầu năm áp dụng theo cơ cấu mức lương cũ và 4 tháng còn lại áp dụng cơ cấu lương mới.
20	20/2025/NQ-HĐQT	23/9/2025	Không thông qua mức lương mới đối với Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.
21	21/2025/NQ-HĐQT	28/11/2025	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 3/2025, ước thực hiện Quý 4/2025
22	22/2025/NQ-HĐQT	08/12/2025	Thông qua việc vay vốn ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Các Nghị quyết được ban hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế và định hướng phát triển của Công ty.

3.2. Giám sát các hoạt động của Ban Điều hành

HDQT đã thực hiện vai trò giám sát, chỉ đạo toàn diện các hoạt động của Công ty, tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu:

a) Hoạt động sản xuất

Trong bối cảnh sản lượng gia công Bia Sài Gòn sụt giảm, HDQT định hướng Ban Điều hành tập trung kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất nhằm duy trì hoạt động của Công ty.

HDQT yêu cầu rà soát, kiểm soát chặt chẽ các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu hao nguyên vật liệu và năng lượng, bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm bia theo yêu cầu của SABECO.

b) Hoạt động bán hàng

HDQT định hướng điều chỉnh cơ cấu sản phẩm theo hướng ưu tiên các sản phẩm có hiệu quả kinh tế cao, đồng thời từng bước đa dạng hóa nguồn doanh thu nhằm giảm phụ thuộc vào sản phẩm chủ lực.

Công ty đã triển khai bước đầu các hoạt động hợp tác sản xuất và tiêu thụ bia tươi từ cuối năm 2025, tạo tiền đề cho việc mở rộng hoạt động trong thời gian tới.

c) Hoạt động tài chính

Công ty duy trì khả năng thanh khoản và quản lý nguồn vốn thận trọng trong điều kiện doanh thu giảm. HDQT chỉ đạo tối ưu việc sử dụng nguồn tài chính nhàn rỗi nhằm nâng cao hiệu quả tài chính và đảm bảo an toàn vốn.

d) Hoạt động đầu tư

HDQT phê duyệt các dự án đầu tư cần thiết nhằm duy trì hoạt động sản xuất ổn định và đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của SABECO, đồng thời tăng cường khai thác hiệu quả các hạng mục đã đầu tư nhằm tối ưu chi phí sản xuất trong điều kiện công suất thấp.

e) Công tác nhân sự

HDQT thực hiện kiện toàn nhân sự cấp cao và rà soát cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động và tình hình thực tế trong giai đoạn hiện nay; đồng thời tăng cường kỷ luật vận hành nhằm từng bước ổn định bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động.

3.3. Phối hợp với Ban Kiểm soát và công bố thông tin

Căn cứ các báo cáo và kiến nghị của Ban Kiểm soát, HDQT đã chỉ đạo Ban Điều hành khắc phục các tồn tại, tăng cường kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, góp phần đảm bảo hoạt động của Công ty an toàn và minh bạch.

Trong năm 2025, HDQT đã chỉ đạo triển khai các thủ tục đăng ký giao dịch cổ phiếu trên UPCoM theo quy định và cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch từ năm 2026, góp phần nâng cao tính minh bạch, chuẩn hóa quản trị và tạo thuận lợi cho cổ đông.

Như vậy, HĐQT đã thực hiện vai trò định hướng, giám sát và ra quyết định, tập trung duy trì hoạt động của Công ty và từng bước xử lý các khó khăn phát sinh trong bối cảnh thị trường và nội tại còn nhiều thách thức.

4. Thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2025

HĐQT đã nhận thù lao theo Nghị quyết của số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

Stt	Nội dung	Giá trị (triệu đồng)		Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện	
1	Thù lao	792	792	Các khoản thù lao, chi phí, lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên được công bố đầy đủ trong Báo cáo tài chính và Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo về các giao dịch

Trong năm 2025, Công ty có phát sinh các giao dịch với bên có liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn, cụ thể như sau:

Stt	Tên tổ chức/ cá nhân	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	Giấy ĐKKD số: 0300583659 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh. Đăng ký lần đầu ngày 17/4/2008 Đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 12/9/2025	187 Nguyễn Chí Thanh, Chợ Lớn, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Năm 2025	Hợp đồng sản xuất và cung ứng. Giá trị tạm tính hợp đồng là 486,4 tỷ đồng (chưa VAT)
2	Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	Giấy ĐKKD số: 0300583659 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh. Đăng ký lần đầu ngày	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Tp. Hồ Chí Minh	Năm 2025	Hợp đồng mua bán nguyên vật liệu và kiểm soát sản xuất năm 2025. Giá trị tạm tính hợp đồng là

1942-C
TY
PHÂN
GIẢI KHÁT
TÂY ĐÔ
3-TP CẦN

Stt	Tên tổ chức/ cá nhân	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
		17/4/2008 Đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 12/9/2025	Minh, Việt Nam		192,3 tỷ đồng (chưa VAT)
3	Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	Giấy ĐKKD số: 0300583659 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh. Đăng ký lần đầu ngày 17/4/2008 Đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 12/9/2025	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Năm 2025	Hợp đồng số 57/2024/TDBEC O dán tờ thẻ cào cho thùng bia lon Lager tết RCP6 với giá trị: 43,22 triệu đồng (chưa VAT)

Các giao dịch với bên liên quan được thực hiện trên cơ sở minh bạch, tuân thủ quy định pháp luật và đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông.

II. ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2026

Năm 2026, HĐQT xác định Công ty tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, do đó ưu tiên hàng đầu là ổn định hoạt động, củng cố nội tại và quản trị rủi ro trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.

HĐQT đã thống nhất một số chỉ tiêu kinh doanh chính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
Tổng doanh thu	Triệu đồng	499.071	474.855
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.510	3.715
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.720	1.689

Đồng thời để triển khai các kế hoạch kinh doanh của Công ty trong năm 2026, Hội đồng quản trị định hướng các nhiệm vụ trọng tâm gồm:

- Duy trì hoạt động sản xuất bám sát kế hoạch đặt hàng của SABECO, đồng thời tối ưu công suất và kiểm soát chi phí.

- Từng bước đa dạng hóa sản phẩm và nguồn doanh thu trên cơ sở khai thác năng lực hiện có.
- Tăng cường quản lý tài chính, đảm bảo an toàn thanh khoản và hiệu quả sử dụng vốn.
- Rà soát, củng cố tổ chức và nâng cao kỷ luật vận hành nhằm ổn định bộ máy.
- Tăng cường kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro nhằm bảo vệ lợi ích của cổ đông.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động trong năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026 của HĐQT.

HĐQT nhận thức rõ trách nhiệm trước cổ đông và những thách thức hiện tại của Công ty, sẽ tiếp tục giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành, tập trung duy trì hoạt động và từng bước cải thiện hiệu quả trong thời gian tới.

HĐQT trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của Quý cổ đông trong giai đoạn hiện nay.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phan Thanh Hải



Cần Thơ, ngày 21 tháng 4 năm 2026

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2026**

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP BIA NGK SÀI GÒN – TÂY ĐÔ**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 về trách nhiệm và quyền hạn của Ban Kiểm soát;
- Căn cứ Điều lệ và các quy định của Công ty CP Bia NGK Sài Gòn – Tây Đô;
- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Căn cứ kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025.

Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026, cụ thể như sau:

I. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT.

- Thù lao, chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 phê duyệt.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2025.

2.1. Tổng kết số lượng cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2025

- Trong năm Ban kiểm soát có 03 cuộc họp kiểm soát diễn ra vào cuối mỗi quý.

2.2. Giám sát tình hình hoạt động của Công ty

- Giám sát việc tuân thủ Luật, Điều lệ và các quy định, quy chế của Công ty.

- Giám sát việc triển khai và thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 đối với Hội Đồng Quản Trị (HDQT) và Ban Điều hành;

-Thẩm tra các báo cáo tài chính hàng tháng, quý, báo cáo 06 tháng, báo cáo năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính.

- Tham gia đầy đủ các phiên họp do HDQT nhằm nắm bắt tình hình hoạt động, những thông tin về quản trị điều hành của Công ty và tham gia ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn.

- Kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động khác của Công ty.

2.3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

2.3.1. Về tình hình hoạt động của Công ty

- Trong năm 2025 tình hình sản xuất và giao hàng của Công ty vẫn bám sát theo chương trình S&OP của SABECO.

- Thực hiện các hạng mục đầu tư, mua sắm, sửa chữa: Công ty chỉ thực hiện 91,28% so với kế hoạch đã được phê duyệt.

- Thực hiện kiểm soát định mức kinh tế kỹ thuật:

+ Đã thực hiện nhiều biện pháp cải thiện định mức tốt hơn nhưng vẫn chưa tối ưu như điện, nguyên vật liệu chính; cũng cần phải cải tiến quản trị để thực hiện đạt hiệu quả cao.

- Thực hiện công tác kế toán:

+ Điều hành dòng tiền hợp lý giữa tiền gửi và vay ngân hàng.

+ Tồn đọng hàng tồn kho chậm luân chuyển gây ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa không sử dụng được phải thanh lý cũng như vốn lưu động Công ty.

+ Thu hồi công nợ bia tươi chưa tuân theo hợp đồng mua bán bia tươi.

+ Có cải thiện tiết kiệm chi phí, tuy nhiên vẫn còn nhiều khoản bị loại trừ khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đã ảnh hưởng đến lợi nhuận Công ty (dây chuyền chiết chai đã ngưng sản xuất, ...).

- Thực hiện công tác nhân sự:

+ Đã thực hiện tái cấu trúc lại Công ty vào tháng 9/2025.

+ Chi trả lương, phúc lợi, chính sách khác cho người lao động theo các quy định hiện hành.

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán theo ủy quyền ĐHĐCĐ.

2.3.2 Về tình hình tài chính của Công ty

- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH KPMG và báo cáo đã thể hiện đầy đủ, rõ ràng và phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty.

2.3.3 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025.

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	% Th/Kh	% 2024 /2023
A	B	C	1	2	3	4=3/2	5=3/1
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	644.179	773.005	513.519	66,4%	79,7%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	7.843	16.093	5.510	34,2%	70,3%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.579	11.592	2.720	23,5%	59,4%

2.4. Kết quả giám sát hoạt động của Hội Đồng quản trị, Ban Giám đốc

- HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ. Các nghị quyết, quyết định được HĐQT ban hành kịp thời và phù hợp với quy chế, quy định hiện hành của Công ty và pháp luật.

- Ban điều hành đã thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã đề ra.

- Tại ngày 01/6/2025 đã miễn nhiệm Tổng Giám đốc Nguyễn Đăng Huy và bổ nhiệm mới Tổng Giám đốc Trần Văn Sang thay thế.

2.5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông

- Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông luôn vì lợi ích chung, đảm bảo nguyên tắc tuân thủ theo quy định pháp luật, điều lệ và nghị quyết của ĐHCĐ.

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

- Các cuộc họp định kỳ của HĐQT đều có sự tham dự của Ban Kiểm soát.

- Các kiến nghị của Ban Kiểm soát trong các cuộc họp đều được ghi nhận và triển khai thực hiện.

III. BÁO CÁO VỀ CÁC GIAO DỊCH

Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: (chi tiết vui lòng xem Báo cáo tình hình quản trị Công ty đã công bố thông tin tại Website Công ty ngày 30/01/2026).

IV. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

- Tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định khác của Công ty.

- Phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị và Ban điều hành nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát và hạn chế mọi rủi ro, gian lận xảy ra.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát trong năm 2025. Rất mong nhận được những góp ý của Đại hội đồng cổ đông nhằm giúp chúng tôi thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong niên độ tới.

Xin cảm ơn, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu: HĐQT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Thị Loan Anh



**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát
Sài Gòn - Tây Đô**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 1800641942 ngày 21 tháng 9 năm 2006

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800641942 ngày 6 tháng 11 năm 2025. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Thanh Hải	Chủ tịch
Bà Trần Lê Hoa	Thành viên
Ông Văn Thanh Liêm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên
Ông Lê Hoàng Thịnh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Loan Anh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Đồng Diễm Trâm	Thành viên
Ông Phạm Văn Tiến	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Văn Sang	Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 6 năm 2025) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 6 năm 2025)
Ông Nguyễn Đăng Huy	Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 6 năm 2025)

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Trà Nóc 1
Phường Thới An Đông
Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Trần Văn Sang
Tổng Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, ngày 19 tháng 3 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 19 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00546-26-1



Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2026



Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		314.146.740.475	340.236.521.133
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	813.499.026	32.656.274.392
Tiền	111		163.499.026	256.274.392
Các khoản tương đương tiền	112		650.000.000	32.400.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		250.860.000.000	243.870.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	250.860.000.000	243.870.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.969.459.020	31.577.077.543
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	19.670.457.066	26.176.097.618
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		464.560.926	210.600.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.834.441.028	5.190.379.925
Hàng tồn kho	140	9	36.000.539.543	31.951.860.217
Tài sản ngắn hạn khác	150		503.242.886	181.308.981
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		503.242.886	181.308.981
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		81.343.218.603	98.170.804.275
Tài sản cố định	220		77.737.109.676	86.116.973.727
Tài sản cố định hữu hình	221	10	77.737.109.676	86.116.973.727
Nguyên giá	222		536.459.347.794	526.842.533.830
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(458.722.238.118)	(440.725.560.103)
Tài sản dở dang dài hạn	240		321.300.000	-
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	321.300.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	10.200.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	5.000.000.000	5.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(b)	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	10.200.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		3.284.808.927	1.853.830.548
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	3.249.478.927	1.818.500.548
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		35.330.000	35.330.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		395.489.959.078	438.407.325.408

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		118.871.241.134	164.436.590.225
Nợ ngắn hạn	310		118.871.241.134	164.436.590.225
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	1.847.055.426	8.831.526.977
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	42.993.897
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	31.457.926.230	41.833.457.027
Phải trả người lao động	314		2.563.102.668	3.971.350.942
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		94.246.000	781.044.078
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	2.843.775.843	2.860.708.459
Vay ngắn hạn	320	16	79.470.964.456	105.650.336.419
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	594.170.511	465.172.426
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		276.618.717.944	273.970.735.183
Vốn chủ sở hữu	410	18	276.618.717.944	273.970.735.183
Vốn cổ phần	411	19	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		21.938.000.000	21.938.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	41.451.256.847	41.451.256.847
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.229.461.097	10.581.478.336
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		10.781.478.336	6.660.568.528
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.447.982.761	3.920.909.808
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		395.489.959.078	438.407.325.408

Ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Trần Thanh Phương
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Phan Duy Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Văn Sang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	257.257.490.408	326.534.272.578
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	95.407.631	193.118.271
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	257.162.082.777	326.341.154.307
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	242.277.063.746	303.384.213.247
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		14.885.019.031	22.956.941.060
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	14.448.381.292	11.568.113.577
Chi phí tài chính	22	25	2.714.740.360	2.460.293.462
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.640.225.264	2.437.614.911
Chi phí bán hàng	25		1.719.628.994	2.377.380.414
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	13.385.896.027	15.823.055.143
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		11.513.134.942	13.864.325.618
Thu nhập khác	31		157.784.510	174.626.261
Chi phí khác	32	27	6.160.640.550	6.196.189.801
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(6.002.856.040)	(6.021.563.540)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.510.278.902	7.842.762.078
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	2.790.298.056	3.263.973.402
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.719.980.846	4.578.788.676
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	122	206

Ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập:


Trần Thanh Phương
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:


Phan Duy Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Trần Văn Sang
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	5.510.278.902	7.842.762.078
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	17.996.678.015	19.388.384.052
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(14.448.381.292)	(11.503.438.990)
Chi phí lãi vay	06	2.640.225.264	2.437.614.911
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	11.698.800.889	18.165.322.051
Biến động các khoản phải thu	09	6.937.730.271	(6.665.374.700)
Biến động hàng tồn kho	10	(4.048.679.326)	(2.744.706.112)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(19.570.166.900)	16.791.274.601
Biến động chi phí trả trước	12	(1.752.912.284)	(240.397.971)
		(6.735.227.350)	25.306.117.869
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.640.225.264)	(2.437.614.911)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.535.106.369)	(2.978.753.334)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(143.000.000)	(1.425.952.962)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(12.053.558.983)	18.463.796.662
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(9.938.113.964)	(1.298.260.877)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(357.910.000.000)	(365.170.000.000)
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24	361.120.000.000	349.340.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	13.118.269.544	11.254.330.872
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.390.155.580	(5.873.930.005)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch chính thức trên thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Thông báo số 1506/QĐ-SGDHN ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, với mã giao dịch là STD.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia và mạch nha ủ men bia, rượu, đồ uống không cồn, nước khoáng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 107 nhân viên (1/1/2025: 113 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 15 năm
▪ máy móc và thiết bị	7 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 12 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm



Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm vỏ bình nước uống đóng chai sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Công ty áp dụng Thông tư 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 180”), quy định Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho các nhân viên đủ điều kiện. Quy định của Thông tư 180 có sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng* (“VAS 18”). Chuẩn mực này yêu cầu khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi và cung cấp dịch vụ du lịch lữ hành nội địa. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền mặt	72.770.037	87.553.446
Tiền gửi ngân hàng	90.728.989	168.720.946
Các khoản tương đương tiền (*)	650.000.000	32.400.000.000
	<hr/>	<hr/>
	813.499.026	32.656.274.392

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ đáo hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất 4,75% một năm (1/1/2025: 4,75% một năm).

6. Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và trong vòng 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,1% đến 7,9% một năm (1/1/2025: từ 4,2% đến 6,0% một năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị ghi sổ là 35.710 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (1/1/2025: 52.850 triệu VND) (Thuyết minh 16).

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2025 và 1/1/2025		
			Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	500.000	4,3%	5.000.000.000	(*)	(5.000.000.000)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của dự phòng các khoản đầu tư góp vốn như sau:

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm và cuối năm	5.000.000.000	5.000.000.000

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Các bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	17.632.536.707	25.593.577.798
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Bia Sài Gòn	829.724.600	53.538.220
Bên thứ ba		
Khách hàng khác	1.208.195.759	528.981.600
	19.670.457.066	26.176.097.618

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có phải hoàn trả khi được yêu cầu.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi	5.821.941.028	4.491.829.280
Phải thu khác	12.500.000	698.550.645
	5.834.441.028	5.190.379.925

9. Hàng tồn kho

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	13.411.851.097	-	14.171.236.261	-
Công cụ và dụng cụ	2.484.087.049	-	3.368.338.249	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.050.892.468	-	12.613.399.697	-
Thành phẩm	14.053.708.929	-	1.798.886.010	-
	36.000.539.543	-	31.951.860.217	-

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	62.520.130.711	456.179.352.854	7.878.596.832	264.453.433	526.842.533.830
Tăng trong năm	-	5.566.813.964	-	-	5.566.813.964
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.050.000.000	-	-	-	4.050.000.000
Số dư cuối năm	66.570.130.711	461.746.166.818	7.878.596.832	264.453.433	536.459.347.794
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	54.452.288.057	378.500.819.131	7.507.999.482	264.453.433	440.725.560.103
Khấu hao trong năm	1.597.903.980	16.128.348.660	270.425.375	-	17.996.678.015
Số dư cuối năm	56.050.192.037	394.629.167.791	7.778.424.857	264.453.433	458.722.238.118
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	8.067.842.654	77.678.533.723	370.597.350	-	86.116.973.727
Số dư cuối năm	10.519.938.674	67.116.999.027	100.171.975	-	77.737.109.676

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 285.162 triệu VND (1/1/2025: 267.270 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	-	64.674.587
Tăng trong năm	4.371.300.000	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.050.000.000)	-
Xóa sổ	-	(64.674.587)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	321.300.000	-

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Máy móc và thiết bị	254.880.000	-
Xây dựng đường dốc và hồ ga tại khu vực công chính	66.420.000	-
	<hr/>	<hr/>
	321.300.000	-

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	553.022.747	1.265.477.801	1.818.500.548
Tăng trong năm	477.756.509	2.957.322.550	3.435.079.059
Phân bổ trong năm	(408.807.717)	(1.595.292.963)	(2.004.100.680)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	621.971.539	2.627.507.388	3.249.478.927

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

13. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Bia Sài Gòn	33.525.349	17.230.826
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	7.857.027.068
Các bên thứ ba		
Công ty TNHH Chế Biến Lương Thực Trường Thắng	589.260.000	-
Công ty Cổ Phần Năng Lượng Điện - Hơi Công Nghiệp Việt Nam	292.474.125	-
Công ty TNHH Vận tải Phước Khang	69.768.000	187.280.000
Các nhà cung cấp khác	862.027.952	769.989.083
	<hr/>	<hr/>
	1.847.055.426	8.831.526.977

Khoản phải trả thương mại cho bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cần trừ trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	35.896.608.750	241.814.012.143	(251.480.035.515)	-	26.230.585.378
Thuế giá trị gia tăng	4.324.636.221	49.475.633.388	(30.255.710.105)	(20.175.583.543)	3.368.975.961
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.574.745.142	2.790.298.056	(2.535.106.369)	-	1.829.936.829
Thuế thu nhập cá nhân	37.466.914	363.097.427	(372.136.279)	-	28.428.062
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
	41.833.457.027	294.446.041.014	(284.645.988.268)	(20.175.583.543)	31.457.926.230

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.592.890.000	2.401.780.000
Phải trả khác	250.885.843	458.928.459
	2.843.775.843	2.860.708.459

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Vay ngắn hạn**

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2025 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	105.650.336.419	281.735.745.620	(307.915.117.583)	79.470.964.456

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	VND	4,5% - 5,8%	79.470.964.456	72.321.590.284
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	3,5%	-	33.328.746.135
			79.470.964.456	105.650.336.419

- (i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 120.000 triệu VND và được bảo đảm bằng khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 35.710 triệu VND (Thuyết minh 6(a)) (1/1/2025: 52.850 triệu VND).

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	465.172.426	1.433.246.520
Trích lập trong năm (Thuyết minh 18)	271.998.085	457.878.868
Sử dụng trong năm	(143.000.000)	(1.425.952.962)
Số dư cuối năm	594.170.511	465.172.426

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	200.000.000.000	21.938.000.000	41.451.256.847	6.660.568.528	270.049.825.375
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	4.578.788.676	4.578.788.676
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(457.878.868)	(457.878.868)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	200.000.000.000	21.938.000.000	41.451.256.847	10.581.478.336	273.970.735.183
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.719.980.846	2.719.980.846
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(271.998.085)	(271.998.085)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	200.000.000	200.000.000
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	200.000.000.000	21.938.000.000	41.451.256.847	13.229.461.097	276.618.717.944

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.350.735.430	1.296.652.792
Từ hai đến năm	5.402.941.718	5.186.611.168
Sau năm năm	8.104.412.578	12.318.201.524
	14.858.089.726	18.801.465.484

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong Bảng cân đối kế toán:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	10.416.357.645	-
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	3.071.060.555	7.187.000.000
	13.487.418.200	7.187.000.000

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	250.715.207.601	320.125.546.426
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	492.529.219.744	626.202.417.064
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	241.814.012.143	306.076.870.638
▪ Cung cấp dịch vụ	576.106.867	1.117.603.489
▪ Doanh thu khác	5.966.175.940	5.291.122.663
	257.257.490.408	326.534.272.578

23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2025 VND	2024 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	242.108.427.337	303.043.445.684
▪ Giá vốn khác	168.636.409	340.767.563
	242.277.063.746	303.384.213.247

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi	14.448.381.292	11.568.113.577

25. Chi phí tài chính

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	2.640.225.264	2.437.614.911
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	74.515.096	22.678.551
	2.714.740.360	2.460.293.462

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	5.364.611.337	6.610.979.777
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.023.006.235	4.591.098.369
Chi phí khấu hao	74.118.240	202.828.756
Chi phí quản lý khác	4.924.160.215	4.418.148.241
	13.385.896.027	15.823.055.143

27. Chi phí khác

	2025 VND	2024 VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm ngừng sử dụng	6.027.086.224	6.033.752.916
Chi phí khác	133.554.326	162.436.885
	6.160.640.550	6.196.189.801

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	209.112.146.137	256.136.376.594
Chi phí nhân công và nhân viên	23.690.002.256	26.403.266.381
Chi phí khấu hao	17.996.678.015	19.388.384.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.125.864.839	15.434.699.863
Chi phí khác	7.313.278.180	6.027.561.623

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Năm hiện hành	2.790.298.056	3.263.973.402

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025	2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.510.278.902	7.842.762.078
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.102.055.780	1.568.552.416
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.688.242.276	1.695.420.986
	2.790.298.056	3.263.973.402

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2025	2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	2.719.980.846	4.578.788.676
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(271.998.085)	(457.878.868)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	2.447.982.761	4.120.909.808
	<hr/>	<hr/>

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 20.000.000 cổ phiếu.

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	486.395.202.400	620.995.469.030
Cung cấp dịch vụ	45.393.760	-
Mua nguyên vật liệu	192.278.606.439	242.268.985.107
Mua dịch vụ	72.990.620	-
Bán nguyên vật liệu	-	77.685.348
Cổ tức đã trả	-	1.440.750.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Mua nguyên vật liệu	21.296.296	-
Mua dịch vụ	60.760.800	-
Cổ tức đã trả	-	945.903.500
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Cổ tức đã trả	-	552.500.000

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua nguyên vật liệu	-	135.400.000
Mua dịch vụ tư vấn	-	225.000.000
Mua dịch vụ	-	130.000.000
Mua công cụ và dụng cụ	3.429.377.500	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Mua hàng hóa	164.595.820	206.055.570
Cổ tức đã trả	-	276.250.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Cổ tức đã trả	-	276.250.000
Công ty Cổ phần Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán dịch vụ thuê kho bãi	1.497.838.388	949.715.625
Mua dịch vụ	154.309.587	51.449.469
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Sóc Trăng		
Bán nguyên vật liệu	3.866.667	-
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Phan Thanh Hải – Chủ tịch	216.000.000	150.000.000
Bà Trần Lê Hoa – Thành viên	144.000.000	166.000.000
Ông Văn Thanh Liêm - Thành viên	144.000.000	144.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc - Thành viên	144.000.000	144.000.000
Ông Lê Hoàng Thịnh - Thành viên	144.000.000	144.000.000
Ông Nguyễn Huy Thăng - Thành viên	-	44.000.000
Thành viên Ban kiểm soát		
<i>Thù lao và thu nhập</i>		
Bà Trần Thị Loan Anh - Trưởng ban	108.000.000	108.000.000
Bà Nguyễn Đông Diễm Trâm - Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Phạm Văn Tiến - Thành viên	72.000.000	72.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	902.881.168	1.836.182.784

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

32. Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho kiểm toán viên

	2025	2024
	VND	VND
Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính	89.000.000	85.000.000
Phí dịch vụ khác (soát xét thông tin tài chính)	63.000.000	60.000.000
	<hr/>	<hr/>
	152.000.000	145.000.000
	<hr/>	<hr/>

33. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập:


Trần Thanh Phương
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:


Phan Duy Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Trần Văn Sang
Tổng Giám đốc


M.S.D.N: 1800641942 - C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
BIA - NƯỚC GIẢI KHÁT
SÀI GÒN - TÂY ĐÔ
P. THỜI AN ĐÔNG - TP. SÀI GÒN

Số: 01/2026/TTr-HĐQT

TP. Cần Thơ, ngày 21 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô.

Thực hiện theo Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam (đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Người phụ trách QTCT;
- Thư ký công ty;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Thanh Hải

Số: 02/2026/TTr-HĐQT

Tp. Cần Thơ, ngày 21 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH**V/v Phân phối lợi nhuận năm 2025****Kính trình: Đại hội đồng cổ đông***Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;**Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô;**Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán;**Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2025,*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2025 cụ thể như sau:

1. Tỷ lệ chia cổ tức năm 2025:

STT	Diễn giải	Kế hoạch 2025 (Triệu đồng)	Thực hiện 2025 (Triệu đồng)
1	Tỷ lệ chia cổ tức (tiền mặt)	8%	5%

2. Các chỉ tiêu phân phối lợi nhuận năm 2025 khác:

STT	Diễn giải	Kế hoạch 2025 (Triệu đồng)	Thực hiện 2025 (Triệu đồng)
1	Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ:	10.781	10.781
2	Lợi nhuận sau thuế trong kỳ:	11.592	2.720
2.1	LNST từ HĐSXKD	4.047	-6.667
2.2	LNST từ HĐTC (*)	7.545	9.387
3	Lợi nhuận sau thuế cuối kỳ, trong đó:	22.273	13.501
3.1	Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	1.159	272
3.2	Trích Quỹ Đầu tư phát triển	0	0
3.3	Trích Quỹ Khen thưởng HĐQT, BKS và BDH	0	0
3.4	Trích Quỹ Công tác xã hội	55	55
3.5	Chia cổ tức	16.000	10.000
	<i>Trích Quỹ Khen thưởng vượt Kế hoạch (15% LNVKH)</i>	0	0
4	Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ:	5.159	3.174

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Người phụ trách QTCT;
- Thư ký công ty;
- Lưu: VT.



Phan Thanh Hải

Số: 03/2026/TTr-HĐQT

Tp. Cần Thơ, ngày 21 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH**V/v Quyết toán tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025
của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát****Kính trình: Đại hội đồng cổ đông***Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;**Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô;**Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;**Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2025,*

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc quyết toán thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát cụ thể như sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025
I	Tiền lương, tiền thưởng	Đồng	0	0
1	Số lượng các thành viên chuyên trách	Người	0	0
2	Quỹ tiền lương	Đồng	0	0
3	Quỹ tiền thưởng	Đồng	0	0
II	Thù lao	Đồng	792.000.000	792.000.000
1	Số lượng các thành viên kiêm nhiệm	Người	05	05
2	Quỹ thù lao	Đồng	792.000.000	792.000.000
III	Tổng tiền	Đồng	792.000.000	792.000.000

Ghi chú:*- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 18 triệu/tháng; Thành viên Hội đồng quản trị: 12 triệu/tháng;**- Thù lao được tính cho 12 tháng.***2. Thành viên Ban Kiểm soát:**

Stt	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025
I	Tiền lương, tiền thưởng	Đồng	0	0
1	Số lượng các thành viên chuyên trách	Người	0	0
2	Quỹ tiền lương	Đồng	0	0
3	Quỹ tiền thưởng	Đồng	0	0
II	Thù lao	Đồng	252.000.000	252.000.000
1	Số lượng các thành viên kiêm nhiệm	Người	03	03
2	Quỹ thù lao	Đồng	252.000.000	252.000.000
III	Tổng tiền	Đồng	252.000.000	252.000.000

Ghi chú:

- Trưởng Ban kiểm soát: 09 triệu/tháng; Thành viên Ban kiểm soát: 06 triệu/tháng;

- Thù lao được tính cho 12 tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Người phụ trách QTCT;
- Thư ký công ty;
- Lưu.



Phan Thanh Hải

Số: 04/2026/TTr-HĐQT

Tp. Cần Thơ, ngày 21 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v Kế hoạch Phân phối lợi nhuận năm 2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 cụ thể như sau:

Stt	Diễn giải	Thực hiện 2025 (Triệu đồng)	Kế hoạch 2026 (Triệu đồng)
1	Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ:	10.781	3.174
2	Lợi nhuận sau thuế trong kỳ:	2.720	1.689
2.1	LNST từ HĐSXKD	-6.667	-9.375
2.2	LNST từ HĐTC	9.387	11.064
3	Lợi nhuận sau thuế cuối kỳ, trong đó:	13.501	4.863
3.1	Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (*)	272	(*)
3.2	Trích Quỹ Đầu tư phát triển	0	0
3.3	Trích Quỹ Khen thưởng HĐQT, BKS và BDH	0	0
3.4	Trích Quỹ Công tác xã hội	55	0
3.5	Chia cổ tức	10.000	0
3.6	Tỷ lệ chia cổ tức	5%	0%
	Trích Quỹ Khen thưởng vượt kế hoạch (15% LNVKH)	0	0
4	Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ:	3.174	4.863

(*) Quỹ Khen thưởng phúc lợi 2026 được trích 10% Lợi nhuận sau thuế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Người phụ trách QTCT;
- Thư ký công ty;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Thanh Hải

Số: 05/2026/TTr-HĐQT

Tp. Cần Thơ, ngày 21 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v Kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2026
của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch thù lao năm 2026 Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát cụ thể như sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
I	Tiền lương, tiền thưởng		0	0
1	Số lượng các thành viên chuyên trách	Người	0	0
2	Quỹ tiền lương	Đồng	0	0
3	Quỹ tiền thưởng	Đồng	0	0
II	Thù lao		792.000.000	792.000.000
1	Số lượng các thành viên kiêm nhiệm	Người	05	05
2	Quỹ thù lao	Đồng	792.000.000	792.000.000
III	Tổng tiền	Đồng	792.000.000	792.000.000

Ghi chú:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 18 triệu/tháng; Thành viên Hội đồng quản trị: 12 triệu/tháng;
- Thù lao được tính cho 12 tháng.

2. Thành viên Ban Kiểm soát:

Stt	Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
I	Tiền lương, tiền thưởng		0	0
1	Số lượng các thành viên chuyên trách	Người	0	0
2	Quỹ tiền lương	Đồng	0	0
3	Quỹ tiền thưởng	Đồng	0	0
II	Thù lao		252.000.000	252.000.000
1	Số lượng các thành viên kiêm nhiệm	Người	03	03
2	Quỹ thù lao	Đồng	252.000.000	252.000.000
III	Tổng tiền	Đồng	252.000.000	252.000.000

Ghi chú :

- Trưởng Ban kiểm soát: 09 triệu/tháng; Thành viên Ban kiểm soát: 06 triệu/tháng;
- Thù lao được tính cho 12 tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Người phụ trách QTCT;
- Thư ký công ty;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phan Thanh Hải

Số: 06/2026/TTr-HDQT

Tp. Cần Thơ, ngày 21 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;

Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô,

Hội đồng quản trị thống nhất với Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán cho năm tài chính 2026 và các giai đoạn có liên quan khác của Công ty bao gồm:

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam.
- Công ty TNHH PWC Việt Nam.
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Đồng thời, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn 01 đơn vị kiểm toán độc lập thuộc danh sách trên và giống như Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán cho SABECO.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Người phụ trách QTCT;
- Thư ký công ty;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Thanh Hải

Số: 07/2026/TTr-HĐQT

TP. Cần Thơ, ngày 21 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v **Phê duyệt các giao dịch của Công ty với Người có liên quan năm 2026**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô;

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026,

Theo Điểm q, Khoản 2, Điều 15 Điều lệ Công ty quy định: “Đại hội đồng cổ đông quyết định việc Công ty ký kết hợp đồng giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất”.

Để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng quy định pháp luật và điều lệ, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc Công ty thực hiện các giao dịch, hợp đồng sau đây:

1. Hợp đồng mua bán nguyên vật liệu và kiểm soát sản xuất với Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (Mã số DN: 0300583659).
2. Hợp đồng hợp tác sản xuất và mua bán hàng hóa với Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (Mã số DN: 0300583659) và Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn (Mã số DN: 0303140574).
3. Và các giao dịch, hợp đồng khác có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (Mã số DN: 0300583659) và các Công ty con, Công ty liên kết là đối tượng có liên quan trong hệ thống SABECO.

Nội dung của các hợp đồng trên bao gồm các điều khoản thông thường và cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, không gây tổn hại đến các lợi ích của Công ty (Dự thảo hợp đồng đính kèm).

Giao Người đại diện pháp luật của Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết để ký kết và thực hiện các Hợp đồng, kể cả các thỏa thuận chi tiết điều khoản, sửa đổi, bổ sung, thay thế, chấm dứt Hợp đồng (nếu có) phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Người phụ trách QTCT;
- Thư ký công ty;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
BIA - NƯỚC GIẢI KHÁT
SÀI GÒN - TÂY ĐÔ
P. THỚI AN ĐÔNG - TP. CẦN THƠ
Phan Thanh Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DỰ THẢO MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG
MUA BÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ KIỂM SOÁT SẢN XUẤT**

Hợp Đồng Mua Bán Nguyên Vật Liệu Và Kiểm Soát Sản Xuất này (“**Hợp Đồng**”) được lập ngày *BỜ* và *GIỮA*:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN, một công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300583659 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, có địa chỉ đăng ký tại số 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, Tp. Hồ Chí Minh, đại diện ký kết Hợp Đồng này bởi **ông/bà ...**, chức vụ

(sau đây gọi là “**SABECO**”)

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - TÂY ĐÔ (TDBECO), một công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1800641942 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Cần Thơ cấp ngày 21/9/2006 và đăng ký thay đổi cấp lại lần 10 ngày 06/11/2025, đại diện ký kết Hợp Đồng này bởi Ông/bà ..., chức vụ, Là người đại diện pháp luật của doanh nghiệp

(sau đây gọi là “**Nhà Sản Xuất**”)

Trên cơ sở xem xét các thỏa thuận được thống nhất, và theo các điều khoản và điều kiện được nêu trong Hợp Đồng này, Các Bên theo đây hiểu và đồng ý như sau:

ĐIỀU 1 : NỘI DUNG HỢP ĐỒNG.

SABECO đồng ý bán và Nhà Sản Xuất đồng ý mua của SABECO các vật tư và nguyên vật liệu dùng để sản xuất bia;

Các Bên thỏa thuận về vấn đề kiểm soát trong quá trình sản xuất các sản phẩm bia mang nhãn hiệu thuộc về quyền sở hữu của SABECO.

ĐIỀU 2: DANH MỤC TÊN HÀNG, ĐƠN GIÁ, SỐ LƯỢNG

- Số lượng, danh mục tên hàng, đơn giá: căn cứ kế hoạch sản xuất.
 - Đơn giá tạm tính: Do Ban Kế Toán/Ban Tài chính của Bên A ban hành.
- 2.1. Số lượng nguyên vật liệu trên có thể thay đổi tùy theo số lượng sản phẩm SABECO giao cho Bên B sản xuất.
- 2.2. Đơn giá các nguyên vật liệu là giá kế hoạch dựa trên kế hoạch sản xuất năm, kế hoạch hợp đồng mua nguyên vật liệu cho cả năm, các ước tính cho quá trình cung ứng nguyên vật liệu do Bên A xây dựng.
- 2.3. Hàng tháng Bên A gửi thông báo giá bán cho Bên B để làm cơ sở xuất hoá đơn bán hàng trong tháng.

2.4. Đơn giá các nguyên liệu là giá tạm tính, hàng quý căn cứ vào chi phí mua nguyên vật liệu thực tế phát sinh, SABECO lập biên bản quyết toán giá bán có xác nhận của Nhà Sản Xuất. Biên bản quyết toán giá bán là cơ sở để SABECO lập hóa đơn điều chỉnh giá.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN NGUYÊN VẬT LIỆU

3.1. Hình thức giao nhận:

- Hàng hóa được giao nguyên đai, nguyên kiện, các ký hiệu ghi trên chứng từ phải phù hợp trên bao bì hàng hoá; giao nhiều đợt trong suốt thời gian hiệu lực của Hợp đồng.
- Số lượng và thời gian giao hàng: được 2 bên thống nhất và Bên A thông báo cho Bên B trước 02 (hai) ngày.

3.2. **Địa điểm giao hàng:** Tại kho Bên A/tại một địa điểm khác theo thông báo của Bên A.

3.3. Về vận chuyển:

- Phương tiện và chi phí vận chuyển:
 - Bên B chịu trách nhiệm.
 - Đơn vị vận chuyển phải kiểm tra xe, thùng xe, container đảm bảo an toàn, vệ sinh....
- Chi phí bốc xếp: mỗi bên chịu một đầu.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KIỆN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Hình thức thanh toán:

- Nhà Sản Xuất thanh toán cho SABECO theo hình thức chuyển khoản 100% bằng Việt Nam đồng vào tài khoản ngân hàng.

4.2. Phương thức thanh toán:

- Thanh toán ngay sau khi xuất hóa đơn và giao nhận hàng. Trong trường hợp thời hạn thanh toán trùng thời điểm thứ 7, chủ nhật hoặc lễ tết, thời điểm thanh toán là ngày làm việc đầu tiên sau thời điểm nghỉ làm việc.
- Trong trường hợp hai bên có thỏa thuận khác về thời hạn thanh toán, hai bên phải thỏa thuận bằng phụ lục hợp đồng.

ĐIỀU 5: KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT

- Nhà Sản Xuất chịu trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ các nguyên vật liệu đầu vào do SABECO cung cấp và cả những nguyên vật liệu do Nhà Sản Xuất tự mua nhưng phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật nguyên vật liệu đầu vào do SABECO ban hành. Nhà Sản Xuất chịu trách nhiệm sản xuất các sản phẩm theo đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo tài liệu ISO của SABECO.
- Nhà Sản Xuất chịu trách nhiệm kiểm soát quá trình sản xuất theo các điều khoản có liên quan trong Hợp đồng này và các tài liệu hướng dẫn/ quy định trong quá trình sản xuất liên quan do SABECO chuyển giao cho Nhà Sản Xuất.

ĐIỀU 6: BẢO MẬT CÔNG NGHỆ.

Trách nhiệm của Bên B:

- Bảo mật các tài liệu mà Bên A đã cung cấp, không tiết lộ bí mật công nghệ cho bên thứ ba. Bên B chịu trách nhiệm không để nhân viên của mình tiết lộ bí mật công nghệ của Bên A.

Không sử dụng quy trình công nghệ mà Bên A chuyển giao cho Bên B sản xuất sản phẩm Bia Sài Gòn để sản xuất bất kỳ một loại bia nào mà không mang thương hiệu Bia Sài Gòn.

- Có trách nhiệm đào tạo và cử nhân sự tham gia các khóa đào tạo do Bên A tổ chức, quy hoạch để đào tạo nâng cao kiến thức cho đội ngũ sản xuất.

ĐIỀU 7: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG.

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ... đến hết ngày ... Sau đó hai bên tiến hành đối chiếu công nợ và thanh lý Hợp đồng, nhưng không kết thúc trước khi cả hai bên hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng này.
- Hợp đồng này được làm thành 04 (bốn) bản, Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DỰ THẢO MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH CỦA
HỢP ĐỒNG SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG**

Số:

Hợp đồng này được lập ngày bởi và giữa

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

Sau đây gọi là “SABECO”

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028.38294083

Fax : 028.38227142

Tài khoản số: ...

Mã số thuế : 0300583659

Đại diện : ...

Chức vụ : ...

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - TÂY ĐÔ

Sau đây gọi là “Nhà sản xuất”

Địa chỉ : Lô 22 KCN Trà Nóc 1, P. Thới An Đông, TP. Cần Thơ

Điện thoại : 0292.3842538

Fax: 0292.3744689

Tài khoản số : ...

Mã số thuế : 1800641942

Đại diện : ...

Chức vụ :

Và

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN

Sau đây gọi là “SATRACO”

Địa chỉ : 12, Đông Du, P.Sài Gòn, TP.HCM

Điện thoại : ... Fax: ...

Tài khoản số : ...

Mã số thuế : 0303140574

Đại diện : ...

Chức vụ : ...

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI HỢP ĐỒNG.

- SABECO cấp quyền sản xuất Sản Phẩm cho Nhà Sản Xuất để thực hiện việc sản xuất theo Quy Trình Sản Xuất và Tiêu Chuẩn Chất Lượng của SABECO.
- Nhà Sản Xuất cam kết bán và SABECO thực hiện mua Sản Phẩm được sản xuất theo Hợp Đồng này. Nhà Sản Xuất không được bán bất kỳ Sản Phẩm nào cho bất kỳ bên nào khác ngoài SABECO, trừ khi được SABECO đồng ý bằng văn bản.
- Danh mục sản phẩm, tiêu chuẩn chất lượng được mô tả cụ thể tại các phụ lục hợp đồng.

ĐIỀU 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT.

- SABECO quyết định và thông báo cho Nhà sản xuất và SATRACO về kế hoạch sản xuất. Kế Hoạch Sản Xuất Hàng Năm sẽ bao gồm nội dung là các danh mục chi tiết và số lượng tương ứng của Sản Phẩm sẽ được sản xuất và phân phối để Nhà Sản Xuất và SATRACO sắp xếp và thực hiện. SABECO có thể điều chỉnh Kế Hoạch Sản Xuất Hàng Năm tùy từng thời điểm.
- Trong suốt Thời Hạn của Hợp Đồng, Nhà Sản Xuất sẽ không đồng thời sản xuất bia khác không thuộc phạm vi Sản Phẩm dưới bất kỳ hình thức nào trừ khi được SABECO đồng ý bằng văn bản hoặc bằng một thỏa thuận khác giữa các bên.

ĐIỀU 3 : GIAO HÀNG.

- Sản phẩm được giao tại kho của Nhà sản xuất.
- SATRACO thông báo cho Nhà sản xuất và SABECO thời gian giao hàng.
- Nhà sản xuất thực hiện giao hàng khi SATRACO đã chuẩn bị đầy đủ phương tiện tại kho của Nhà sản xuất.

ĐIỀU 4 : GIÁ VÀ THANH TOÁN.

- Đơn giá mua sản phẩm do SABECO mua từ Nhà sản xuất và đơn giá bán sản phẩm do SABECO bán cho SATRACO được quy định tại phụ lục hợp đồng.
- Tất cả giá cả trong Hợp Đồng này đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng và Thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định tại thời điểm thanh toán. - Đồng tiền thanh toán là đồng Việt Nam

ĐIỀU 5: THUẾ.

- Mỗi Bên sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về các khoản thuế và chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh của mình. Để làm rõ, Nhà Sản Xuất phải kê khai và nộp đủ thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng đối với Sản Phẩm theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6 : KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG VÀ TRÁCH NHIỆM.

- Nhà Sản Xuất phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về chất lượng của Sản Phẩm từ khâu sản xuất, đóng gói, kiểm tra, thử nghiệm, xử lý, lưu kho và xếp/dỡ Sản Phẩm lên/xuống phương tiện vận chuyển theo các Tiêu Chuẩn Chất Lượng và các Thông số kỹ thuật của SABECO. Nhà Sản Xuất phải tuân thủ các yêu cầu về sản xuất Sản Phẩm được đưa ra bởi SABECO và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

- Nếu phát hiện Sản Phẩm không phù hợp theo yêu cầu của SABECO và các quy định của pháp luật có liên quan, SABECO bảo lưu quyền từ chối mua, không thanh toán cho Sản Phẩm không phù hợp đó.

ĐIỀU 7 : SỞ HỮU TRÍ TUỆ.

- Nhà Sản Xuất và SATRACO thừa nhận và đồng ý rằng SABECO là chủ sở hữu duy nhất đối với bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ nào liên quan đến Sản Phẩm.

ĐIỀU 8 : THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT.

- Hợp Đồng này sẽ có hiệu lực kể từ (“Ngày Hiệu Lực”) cho đến khi được chấm dứt bằng một thoả thuận bằng văn bản giữa Các Bên (“Thời hạn”).

ĐẠI DIỆN SABECO

ĐẠI DIỆN NHÀ SẢN XUẤT

ĐẠI DIỆN SATRACO

Số: 08/2026/TTr-HĐQT

Tp. Cần Thơ, ngày 21 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v cập nhật và bổ sung ngành nghề kinh doanh
và cập nhật, sửa đổi Điều lệ Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/09/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua việc cập nhật, bổ sung ngành nghề kinh doanh:

Việc cập nhật và bổ sung ngành nghề kinh doanh để phù hợp theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/09/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và để phù hợp tình hình kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Ngành nghề kinh doanh hiện tại		Đề xuất điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	
1101	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	Không thay đổi
1102	Sản xuất rượu vang	1102	Sản xuất rượu vang	Không thay đổi
1103 (Chính)	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103 (Chính)	Sản xuất bia	Tách 02 mã ngành
		1104	Sản xuất mạch nha ủ men bia	
1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1105	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	Chuyển mã 1104 thành 1105
4633	Bán buôn đồ uống	4633	Bán buôn đồ uống	Không thay đổi



Ngành nghề kinh doanh hiện tại		Đề xuất điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	Không thay đổi
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ mua bán thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4679	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ mua bán thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	Chuyển mã 4669 thành 4679
4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	Không thay đổi
4932	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932	Vận tải hành khách đường bộ khác	Không thay đổi

Ngành nghề kinh doanh hiện tại		Đề xuất điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Bằng xe tải thông thường	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Bằng xe tải thông thường	Không thay đổi
5224	Bốc xếp hàng hóa	5224	Bốc xếp hàng hóa	Không thay đổi
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, Dịch vụ cho thuê kho bãi. (Trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	Bổ sung chi tiết.
7820	Cung ứng lao động tạm thời (Trừ Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)	7821	Cung ứng lao động tạm thời (Trừ Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)	Chuyển mã 7820 thành 7821
7911	Đại lý du lịch (Trừ kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài)	7911	Đại lý lữ hành (Trừ kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài)	Điều chỉnh tên
7912	Điều hành tua du lịch (Trừ kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài)	7912	Điều hành tua du lịch (Trừ kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài)	Không thay đổi
7990	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Trừ kinh doanh dịch vụ	7990	Hoạt động liên quan đến du lịch khác (Trừ kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài)	Điều chỉnh tên

Ngành nghề kinh doanh hiện tại		Đề xuất điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú
Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	
	phục vụ khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài)			
		3512	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo Chi tiết: Sản xuất điện mặt trời (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân)	Đăng ký mới
		5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	Đăng ký mới

2. Cập nhật, sửa đổi Điều lệ Công ty:

NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
- “Tổng Giám đốc” - “Phó Tổng Giám đốc”	- “Giám đốc” - “Phó Giám đốc”	Thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật đồng thời thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.
Khoản 1 Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác.	Khoản 1 Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty khác, nhưng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.	Căn cứ Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 11/09/2025 Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 275 NĐ 155/2020/NĐ-CP.

NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
<p>Khoản 3 Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Khoản 3 Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo theo quy định dưới đây và Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>a. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</p> <p>b. Có tối thiểu 02 thành viên thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</p> <p>c. Có tối thiểu 03 thành viên thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</p>	<p>Căn cứ Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 11/09/2025</p> <p>Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 276 NB 155/2020/NĐ-CP.</p>
<p>Khoản 5, 6 Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá</p>	<p>Bổ sung khoản 6 vào sau Khoản 5 Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</p> <p>7. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc</p>	<p>Căn cứ Khoản 83 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 11/09/2025 bổ sung khoản 6 Điều 291 NB 155/2020/NĐ-CP.</p>

NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây: ...	nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây: ...	

Giao Người đại diện pháp luật chủ động thực hiện hồ sơ cập nhật ngành nghề kinh doanh tại Khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công ty; cập nhật địa chỉ trụ sở chính do thay đổi địa giới hành chính và đường dẫn website Công ty tại Khoản 3 Điều 2 Điều lệ Công ty; cập nhật chức danh người đại diện theo pháp luật.

Giao Hội đồng quản trị chủ động ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi sau khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và cập nhật sơ đồ tổ chức Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Người phụ trách QTCT;
- Thư ký công ty;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phan Thanh Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ

*(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô)*

Cần Thơ, ngày 21 tháng 4 năm 2026



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
<i>Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....</i>	<i>4</i>
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
<i>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....</i>	<i>5</i>
<i>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....</i>	<i>5</i>
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
<i>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....</i>	<i>5</i>
<i>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....</i>	<i>7</i>
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
<i>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....</i>	<i>7</i>
<i>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....</i>	<i>8</i>
<i>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</i>	<i>8</i>
<i>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....</i>	<i>9</i>
<i>Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp).....</i>	<i>9</i>
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
<i>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....</i>	<i>9</i>
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	10
<i>Điều 12. Quyền của cổ đông</i>	<i>10</i>
<i>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</i>	<i>11</i>
<i>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</i>	<i>12</i>
<i>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>13</i>
<i>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>15</i>
<i>Điều 17. Thay đổi các quyền</i>	<i>15</i>
<i>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>16</i>
<i>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>18</i>
<i>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</i>	<i>18</i>
<i>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....</i>	<i>20</i>
<i>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</i>	<i>20</i>

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	23
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	25
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	27
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	31
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	31
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH.....	32
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	32
Điều 34. Người điều hành	32
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc	32
Điều 36. Thư ký Công ty.....	33
IX. BAN KIỂM SOÁT	33
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	33
Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát.....	34
Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát.....	34
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	35
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát	35
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	35
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH	36
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	36
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	37
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	38
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	38
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	38
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn	38
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	39
Điều 47. Phân phối lợi nhuận	39

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	39
<i>Điều 48. Tài khoản ngân hàng</i>	<i>39</i>
<i>Điều 49. Năm tài chính.....</i>	<i>39</i>
<i>Điều 50. Chế độ kế toán</i>	<i>40</i>
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	40
<i>Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....</i>	<i>40</i>
<i>Điều 52. Báo cáo thường niên.....</i>	<i>40</i>
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	40
<i>Điều 53. Kiểm toán.....</i>	<i>40</i>
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	41
<i>Điều 54. Dấu của doanh nghiệp.....</i>	<i>41</i>
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	41
<i>Điều 55. Giải thể công ty.....</i>	<i>41</i>
<i>Điều 56. Gia hạn hoạt động</i>	<i>41</i>
<i>Điều 57. Thanh lý</i>	<i>41</i>
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	42
<i>Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....</i>	<i>42</i>
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	42
<i>Điều 59. Điều lệ công ty.....</i>	<i>42</i>
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	43
<i>Điều 60. Ngày hiệu lực.....</i>	<i>43</i>

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2026.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) *Người điều hành* là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
- h) *Người quản lý* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- j) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- k) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- m) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- n) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAI GON - TAY DO BEER – BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: TDBECO

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 22, khu công nghiệp Trà Nóc 1, phường Thới An Đông, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

- Điện thoại: 02923.842.538

- Fax: 02923.842.310

- E-mail: info@sgtd.com.vn

- Website: www.biasaigontaydo.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc.

2. Quyền và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật được quy định tương ứng tại Điều 29 và Điều 35 Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
1101	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh
1102	Sản xuất rượu vang
1103 (Chính)	Sản xuất bia
1104	Sản xuất mạch nha ủ men bia
1105	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
4633	Bán buôn đồ uống
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật).
4679	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ mua bán thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật).
4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
4932	Vận tải hành khách đường bộ khác
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Bảng xe tải thông thường
5224	Bốc xếp hàng hóa
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, Dịch vụ cho thuê kho bãi. (trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).
7821	Cung ứng lao động tạm thời (trừ Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng).

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
7911	Đại lý lữ hành (Trừ kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài).
7912	Điều hành tua du lịch (Trừ kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài).
7990	Hoạt động liên quan đến du lịch khác (Trừ kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài).
3512	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo Chi tiết: Sản xuất điện mặt trời (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân)
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 VND (Hai trăm tỷ đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 20.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800641942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 21/09/2006. Căn cứ theo quy định Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện nay cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi đương nhiên mất tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;

4. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
- d) Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- e) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- s) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự

hợp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ dưới 5% cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện *trên 50%* tổng số phiếu biểu quyết
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn *30 ngày*, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ *33%* tổng số phiếu biểu quyết trở lên
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn *20 ngày* kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/ Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f) Gia hạn hoạt động công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Lưu ý, Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ này.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:
 - a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b) Phê duyệt/ sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

- c) Định hướng phát triển công ty;
- d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm
- h) Tổ chức lại, giải thể công ty.
- i) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- j) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- k) Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;



c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- f) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty khác, nhưng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo theo quy định dưới đây và Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

a. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b. Có tối thiểu 02 thành viên thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c. Có tối thiểu 03 thành viên thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp:

a. Bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.;

b. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng cử viên Hội đồng quản trị.

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Người điều hành và các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Người điều hành trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- q) Yêu cầu Người quản lý, Người điều hành cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.
- r) Người quản lý, Người điều hành được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị .

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác (nếu có).
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

- a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

94
TY
VN
IK
YE
P.1

- c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng, bổ nhiệm Người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn cần thiết phù hợp với cơ cấu quy chế của Công ty. Người điều hành phải có sự miễn cần cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những Người điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố



rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người điều hành cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của Người quản lý, Người điều hành.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của Người quản lý, Người điều hành, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Người quản lý, Người điều hành cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn

của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

7. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.



XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành.
2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó

00647
ÔNG
PH
ỐC GI
ÔN-T
ÔNG

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin

khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ này mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

942-C
C
Y
IN
KHÁT
Y Đ
IP. O. 3. 2. 1.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô nhất trí thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2026 tại địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Thanh Hải



Số: 09/2026/TTr-HĐQT

Tp. Cần Thơ, ngày 21 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v Tờ trình miễn nhiệm và bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 – 2031;
Danh sách ứng cử viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 – 2031.**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề sau:

1. Miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với:

- Trần Thị Loan Anh – Trưởng Ban kiểm soát
- Phạm Văn Tiến - Thành viên Ban kiểm soát
- Nguyễn Đồng Diễm Trâm - Thành viên Ban kiểm soát

Lý do: Hết nhiệm kỳ.

2. Bầu cử Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031 như sau:

- Số lượng thành viên BKS : 03 người
- Nhiệm kỳ : 2026 - 2031
- Số lượng ứng viên BKS tối đa : Không hạn chế
- Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát (Theo Khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 và Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP)

3. Thông qua Danh sách ứng cử viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031:

Bà: Trần Thị Loan Anh (sơ yếu lý lịch đính kèm)

Bà: Nguyễn Thị Thanh Thủy (sơ yếu lý lịch đính kèm)

Bà: Phạm Thị Phương Kiều (sơ yếu lý lịch đính kèm)

Các nội dung khác liên quan đến bầu cử Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 – 2031 được áp dụng theo quy chế bầu cử tại ĐHCĐ thường niên năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Người phụ trách QTCT;
- Thư ký công ty;
- Lưu: VT.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----oOo-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031)

Họ và tên : TRẦN THỊ LOAN ANH

Ứng cử viên : Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031

Họ và tên:	Trần Thị Loan Anh
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	28/9/1981
Nơi sinh:	Xã Tân Quới, Tỉnh Vĩnh Long
CCCD:	086181015135, ngày cấp: 13/10/2025, nơi cấp: Bộ Công An
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	Số 88, Đường 18, KV3, PH, P.Định Khê, TP.Gần Thơ
Số điện thoại liên lạc:	0947567467
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none">+ Từ 6/2010-6/2011 - Kế toán tổng hợp Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Tây+ Từ 6/2011-10/2013 - Kế toán tổng hợp Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Tây. Phụ trách kế toán Công ty TNHH Bia Sài Gòn Sóc Trăng.+ Từ 10/2013-04/2014 - Phó phòng kế toán Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Tây. Phụ trách kế toán Công ty TNHH Bia Sài Gòn Sóc Trăng+ Từ 4/2014-7/2016 - Phụ trách phòng Kế toán Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Tây. Phụ trách kế toán Công ty TNHH Bia Sài Gòn Sóc Trăng đến 6/2015.+ Từ 7/2016 - 9/2023 - Trưởng ban kiểm soát chuyên trách Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Tây+ Từ 9/2023 – nay - Trưởng phòng Nguồn lực nhân sự & hành chính; Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Tây+ Từ 3/2016 - 4/2019 - Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Bia – NGK Sài Gòn Tây Đô.+ Từ 5/2019 – nay - Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Bia – NGK Sài Gòn Tây Đô.
Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:	Trưởng phòng Nguồn lực nhân sự & hành chính; Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Tây
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Bia – NGK Sài Gòn Tây Đô.
Các lợi ích liên quan đến Công ty (nếu có):	Không
Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 07/4/2026):	2.347.537 cổ phần, chiếm 11,7376 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	2.347.537 cổ phần, chiếm 11,7376 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty:	1. Mối quan hệ:, Tên cá nhân/tổ chức: nắm giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ.
	2. Mối quan hệ:, Tên cá nhân/tổ chức: nắm giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Cần Thơ, ngày 09 tháng 04 năm 2026

Người khai ký tên, ghi rõ họ tên



Trần Thị Loan Anh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031)

Họ và tên : Nguyễn Thị Thanh Thủy

Ứng cử viên : Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031

Họ và tên:	Nguyễn Thị Thanh Thủy
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	18/04/1988
Nơi sinh:	Lâm Đồng
CCCD:	030387000000, ngày cấp: 28/7/2025, nơi cấp: P.030387
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	11/ 20, 24B Vinhomes Central Park, 750007, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại liên lạc:	0932863071
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none">+ Từ 2011 đến 2018+ Từ 2018 đến 2023+ Từ 2023 đến 2025+ Từ 2025 đến nay
	Chuyên viên – Tài chính, Ban Tài chính SABECO Chuyên viên cấp cao – Tài chính, Ban Tài chính SABECO Chuyên gia Tài chính – Thương mại, Ban Tài chính SABECO Chuyên gia Tài chính – Chuỗi cung ứng, Ban Tài chính SABECO
Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: không	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	
Các lợi ích liên quan đến Công ty (nếu có):	
Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm ...):	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty:	1. Mọi quan hệ:, Tên cá nhân/tổ chức: nắm giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ.

	2. Mối quan hệ:, Tên cá nhân/tổ chức: năm giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ.
--	--

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031.

TP HCM, ngày 10 tháng 4 năm 2026

Người khai ký tên, ghi rõ họ tên



Nguyễn Thị Thanh Thủy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031)

Họ và tên : Phạm Thị Phương Kiều

Ứng cử viên : Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031

Họ và tên:	Phạm Thị Phương Kiều
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	15/06/1983
Nơi sinh:	Xã Châu Hòa, Tỉnh Vĩnh Long
CCCD:	
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	
Số điện thoại liên lạc:	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài Chính – Tín dụng
Quá trình công tác: Từ 2006 đến nay	Công tác tại Công ty CPTM Bia Sài Gòn Sông Hậu
Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Không	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng tại Công ty CPTM Bia Sài Gòn Sông Hậu	
Các lợi ích liên quan đến Công ty (nếu có): Không	
Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 10/04/2026):	552.500 cổ phần, chiếm 2,76 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	552.500 cổ phần, chiếm 2,76 % vốn điều lệ (đại diện vốn Công ty CPTM Bia Sài Gòn Sông Hậu)
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không có.	1. Mỗi quan hệ:, Tên cá nhân/tổ chức: năm giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ.
	2. Mỗi quan hệ:, Tên cá nhân/tổ chức: năm giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Cm...Th3..., ngày 13 tháng 4 năm 2026

Người khai ký tên, ghi rõ họ tên



Phạm Thị Phương Kiều



PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU: STD.000...

Họ và tên Đại biểu:
Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu: phiếu biểu quyết
Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền: phiếu biểu quyết
Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện: phiếu biểu quyết

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 1: Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 2: Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 3: Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 4: Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2025	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 5: Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 6: Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 7: Tờ trình kế hoạch thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 8: Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 9: Tờ trình phê chuẩn các giao dịch của Công ty với Người có liên quan	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 10: Tờ trình cập nhật và bổ sung ngành nghề kinh doanh và cập nhật, sửa đổi Điều lệ Công ty.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 11: Tờ trình miễn nhiệm và bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 – 2031; Danh sách ứng cử viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 – 2031.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn:

Cổ đông đánh dấu chọn (X) vào 1 trong 3 ô:
Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày 21 tháng 04 năm 2026

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)



PHIẾU BẦU CỬ BAN KIỂM SOÁT

MÃ ĐẠI BIỂU: STD.000...

MẪU

Họ và tên Đại biểu: ...

Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu: ... phiếu biểu quyết

Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền: ... phiếu biểu quyết

Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện: ... phiếu biểu quyết

Tổng số lượng phiếu bầu: ... phiếu bầu

Tôi đồng ý Bầu cử Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031 như sau:

Stt	Họ và tên ứng viên	Bầu đồng đều phiếu (cho các ứng viên)	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1	A		
2	B		
3	C		

Hướng dẫn:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu. (03 thành viên)
- Nếu bầu đồng đều số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô "Bầu đồng đều phiếu" của các ứng viên tương ứng.
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô "Số phiếu bầu" của các ứng viên tương ứng.

Ngày 21 tháng 04 năm 2026

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ HỌP HOẶC ỦY QUYỀN
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô

Tên cổ đông:.....

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKDN số: cấp ngày..... tại.....

Địa chỉ: Điện thoại

Tổng số cổ phần đại diện hoặc/và sở hữu: cổ phần.

(Cổ đông chọn một trong hai mục dưới đây, đánh dấu vào ô thích hợp)

1. ĐĂNG KÝ DỰ HỌP

2. ỦY QUYỀN CHO BÊN NHẬN ỦY QUYỀN DƯỚI ĐÂY

Bên nhận ủy quyền:

CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKDN số: cấp ngày..... tại.....

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền:.....

Trong trường hợp cổ đông không thể tham dự và không ủy quyền được cho người khác, quý cổ đông vui lòng ủy quyền cho thành viên HĐQT của công ty theo danh sách dưới đây:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đánh dấu chọn	Số cổ phần ủy quyền
1	Ông Phan Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT		
2	Bà Trần Lê Hoa	Thành viên HĐQT		
3	Ông Văn Thanh Liêm	Thành viên HĐQT		
4	Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên HĐQT		
5	Ông Lê Hoàng Thịnh	Thành viên HĐQT		

(Lưu ý: Vui lòng đánh dấu (X) vào ô “Đánh dấu chọn” tên thành viên HĐQT mà quý cổ đông chọn ủy quyền cho trường hợp ủy quyền toàn bộ số cổ phần sở hữu của quý cổ đông với một thành viên HĐQT; trường hợp muốn ủy quyền cho nhiều người, đề nghị quý cổ đông ghi rõ số lượng cổ phần ủy quyền cho từng thành viên)

Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền đại diện cho Bên ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô để thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông tương ứng với số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật, quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô và không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

Lưu ý:

- Người được ủy quyền chỉ thực hiện những công việc trong phạm vi ủy quyền và phải mang theo CMND/CCCD/Hộ chiếu khi đi dự họp.
- Cổ đông đăng ký tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội có thể gửi văn bản này trực tiếp tại Công ty hoặc gửi thư qua đường bưu điện hoặc gửi thư điện tử (email) hoặc fax về Công ty trước ngày 17/4/2026.
- Trường hợp bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của đại diện pháp luật và dấu của tổ chức.
- Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi có chữ ký của cả hai bên ủy quyền và nhận ủy quyền. Trong trường hợp người ủy quyền là cổ đông tổ chức thì cần có thêm dấu hợp lệ của tổ chức ủy quyền. Trường hợp ủy quyền cho thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô thì không cần chữ ký của thành viên HĐQT. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô kết thúc.

Cổ đông/Bên ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

..., ngày ... tháng ... năm 2026
Bên nhận ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)